

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1957

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm: 1959

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn bà Huỳnh Thị A cùng thống nhất tổng số tiền hụi còn nợ là 3.875.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và số vàng còn nợ là 01 chỉ vàng 24K loại 9999. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền hụi, nên không xem xét.

Bị đơn bà Huỳnh Thị A đồng ý trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền hụi là 3.875.000 đồng (ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và số vàng là 01 chỉ vàng 24K loại 9999, khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Huỳnh Thị A phải nộp số tiền 186.875 đồng (một trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0019642 phiếu lập ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Ngoan